

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG SẢN XUẤT VẢI TRỨNG TẠI TỈNH HUNG YÊN: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

VŨ MINH TIẾN¹ - TRẦN NGỌC ANH¹ - PHÍ AN NGỌC ÁNH¹
- PHAN THANH TÂM¹ - TĂNG HUY THẮNG¹ - NGUYỄN THỊ DƯƠNG NGÀ^{1,*}

¹Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Vietnam National University of Agriculture

*Tác giả liên hệ - Email: ngantd@vnua.edu.vn

Ngày nhận bài: 14/8/2026

Ngày sửa bài: 4/9/2026

Ngày duyệt đăng bài: 15/9/2026

Tóm tắt:

Nghiên cứu đánh giá thực trạng sản xuất và đề xuất giải pháp phát triển bền vững vải trứng tỉnh Hưng Yên. Nghiên cứu sử dụng số liệu thứ cấp kết hợp điều tra 90 hộ sản xuất vải trứng năm 2026 và phỏng vấn sâu các tác nhân liên quan. Kết quả cho thấy, diện tích vải trứng tăng nhanh song năng suất và sản lượng biến động đáng kể giữa các năm. Sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế cao. Tuy nhiên, sản xuất còn đối mặt với rủi ro thời tiết, năng suất không ổn định, yêu cầu kỹ thuật cao và nguy cơ không đồng nhất chất lượng khi diện tích mở rộng. Nghiên cứu đề xuất kiểm soát mở rộng diện tích và nguồn giống, nâng cao năng lực hợp tác xã (HTX), đồng thời củng cố liên kết HTX - hộ sản xuất nhằm kiểm soát chất lượng, nguồn gốc và phát triển thị trường.

Từ khóa: vải trứng, hiệu quả kinh tế, phát triển bền vững, tỉnh Hưng Yên

Sustainable development of egg lychee production in Hung Yen province: Current status and solutions

Abstract:

This study evaluates the current status of egg lychee production and proposes solutions for its sustainable development in Hung Yen Province. The study uses secondary data combined with a survey of 90 lychee production households conducted in 2026 and in-depth interviews with relevant stakeholders. The results show that the egg lychee cultivation area has increased rapidly, while yields and production have varied considerably across years. Production generates high economic returns. However, producers face weather-related risks, unstable yields, high technical requirements, and the risk of inconsistent quality as the cultivated area expands. The study proposes measures to control the expansion of cultivated areas and regulate planting material sources, strengthen the capacity of cooperatives, and reinforce linkages between cooperatives and farming households to ensure quality control, traceability, and market development.

Keywords: Egg lychee, economic performance, sustainable development, Hung Yen Province

1. Đặt vấn đề

Trong quá trình chuyển đổi nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, việc phát triển các sản phẩm đặc sản có lợi thế về chất lượng và khả năng cạnh tranh là một hướng đi quan trọng nhằm nâng cao thu nhập cho nông hộ. Tại Hưng Yên, vải trứng là một sản phẩm đặc sản có nhiều ưu thế về chất lượng, với đặc điểm chín sớm, quả to, mã đẹp, cùi dày, vị ngọt đậm và hương vị đặc trưng, và đặc biệt là sản phẩm đã được công nhận OCOP 4 sao. Xã Đoàn Đào là một trong những vùng sản xuất vải trứng tập trung của tỉnh Hưng Yên với diện tích khoảng 350 ha (Bảng 1) với mức giá dao động từ 200.000-250.000 đồng/kg (Hương Giang, 2026). Kết quả này cho thấy, vải trứng có tiềm năng trở thành sản phẩm nông nghiệp hàng hóa có giá trị cao của địa phương. Tuy nhiên, diện tích vải trứng tiếp tục mở rộng và các diện tích mới trồng trong những năm qua sẽ lần lượt bước vào thời kỳ cho thu hoạch, làm sản lượng tăng đáng kể trong những năm tới. Bên cạnh đó, sản xuất còn chủ yếu dựa vào các hộ nông dân, trong khi yêu cầu về chất lượng, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và tiêu chuẩn thị trường ngày càng cao. Điều này đặt ra thách thức về tính bền vững về kinh tế, ổn định thị trường và nâng cao giá trị sản phẩm.

Các nghiên cứu về cây vải ở Việt Nam tương đối phong phú, nhưng chủ yếu tập trung vào kỹ thuật sản xuất; các nghiên cứu về hiệu quả kinh tế, liên kết và chuỗi giá trị chủ yếu được thực hiện đối với vải thiều tại Bắc Giang và Hải Dương (Viện nghiên cứu rau quả, 2021; Duy Phương và cộng sự, 2017; Dinh et al., 2021). Nghiên cứu này nhằm đánh giá thực trạng và đề xuất một số giải pháp phát triển bền vững sản xuất vải trứng tại tỉnh Hưng Yên trong thời gian tới.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp định lượng kết hợp định tính. Điểm nghiên cứu được lựa chọn là xã Đoàn Đào, đây là xã có diện tích vải trứng chủ yếu của tỉnh. Số liệu thứ cấp được thu thập từ UBND xã Đoàn Đào, số liệu sơ cấp được thu thập trực tiếp thông qua phiếu điều tra 90 hộ sản xuất vải trứng; phỏng vấn sâu một số hộ thu gom (chủ vườn lớn), người cung cấp đầu vào (giống), và giám đốc của một số HTX vải trứng trên địa bàn. Phương pháp phân tích số liệu là thống kê mô tả và so sánh.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thực trạng phát triển sản xuất vải trứng tại tỉnh Hưng Yên

3.1.1. Về quy mô diện tích

Theo Viện nghiên cứu rau quả (2021), vải Trứng Hưng Yên (*Litchi chinensis*) có nguồn gốc từ cây vải trồng bằng hạt (trên 150 năm) tại nhà ông Nguyễn Văn Diệm ở thôn Ba Đông, xã Đoàn Đào. Số liệu thống kê cũng cho thấy vải trứng được trồng chủ yếu tại huyện Phù Cừ (cũ), bao gồm các xã Đoàn Đào, Quang Hưng, Tiên Tiến. Trong đó, diện tích vải trứng chủ yếu tập trung tại xã Đoàn Đào (trên 300ha năm 2026), và một phần diện tích nhỏ tại xã Đa Lộc (huyện Ân Thi cũ). Diện tích vải trứng toàn tỉnh đã tăng lên nhanh chóng trong giai đoạn 2016-2026, với ước tính tổng diện tích đạt khoảng 12ha tại 4 xã trồng chính (Phan Sào Nam, Minh Tân, Đoàn Đào, Minh Hoàng) năm 2019, và lên khoảng 500ha năm 2025 (UBND tỉnh Hưng Yên, 2025). Tại xã Đoàn Đào, diện tích vải trứng tăng nhanh, từ 270 ha năm 2024, tăng lên 350 ha tính đến tháng 6 năm 2026 (khoảng 30%).

Bảng 1. Diện tích, năng suất, sản lượng vải trứng tại xã Đoàn Đào, giai đoạn 2024-2026

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	So sánh (%)		
				2025/2024	2026/2025	Bình quân
1. Diện tích (ha)	270	320	350	118.5	109.4	113.9
Tr.đó, diện tích trồng mới	120	170	200	141.7	117.6	129.1

Diện tích thu hoạch	150	150	280	100.0	186.7	136.6
2. Năng suất (tấn/ha)	1.33	2.33	1.11	175.2	47.6	91.4
3. Sản lượng (tấn)	199.5	349.5	310.8	175.2	88.9	124.8

Nguồn: UBND xã Đoàn Đào, 2026

Năng suất biến động mạnh qua các năm (Bảng 1), ước đạt 2,3 tấn/ha năm 2025 và giảm 50% xuống còn hơn 1 tấn/ha năm 2026. Năng suất này rất thấp so với vải thiều từ các phương khác, ví dụ như tỉnh Bắc Ninh năm 2025 có sản lượng vải thiều đạt 216.911 tấn trên tổng diện tích thu hoạch 29.022,3 ha (Cục Thống kê Bắc Ninh, 2026), tương đương với năng suất 7,47 tấn/ha. Sự khác biệt về năng suất vải trứng và vải thiều có thể do mật độ trồng có sự khác biệt. Theo quan sát tại thời điểm điều tra, các hộ dành khoảng 1/3 diện tích đất vườn để đào mương chứa nước dùng tưới cho vải trứng. Theo số liệu phỏng vấn hộ nông dân, mật độ trồng có thể tới 15 cây/sào (540 cây/ha) nhưng cũng có thể thấp chỉ 7-8 cây/sào (hơn 250 cây/ha). Các vườn thưa chủ yếu là cây nhiều tuổi được các hộ trồng từ rất lâu, đã phát triển có tán rộng nên không trồng xen thêm.

Hình thức tổ chức sản xuất, hiện đang có 1050 hộ đang trồng vải tại xã Đoàn Đào với các quy mô khác nhau, cao nhất có thể tới 2.16 ha. Nhiều diện tích trồng vải đã được chuyển đổi từ đất lúa do khác biệt lớn về hiệu quả kinh tế mang lại. Trung bình trong số các hộ điều tra, quy mô nhỏ nhất là 0,054ha, lớn nhất là 2,16 ha, bình quân diện tích các hộ đạt 0,42ha (Bảng 2). Về phương thức sản xuất, khoảng 60% các hộ trong mẫu điều tra cho biết đã áp dụng quy trình VietGAP (Bảng 2).

Bảng 2. Một số thông tin về quy mô sản xuất và liên kết của hộ nông dân trồng vải trứng tại xã Đoàn Đào

Nội dung	Giá trị
Số hộ điều tra	90
Quy mô diện tích trung bình (ha/hộ)	0,42
Hộ áp dụng quy trình VietGAP (% số hộ)	57,78
Hộ liên kết với người cung cấp đầu vào (% số hộ)	8,9
Hộ liên kết với người mua buôn (% số hộ)	72,2
Hộ tham gia HTX (% số hộ)	37,78

Nguồn: Tính toán từ số liệu điều tra hộ năm 2026

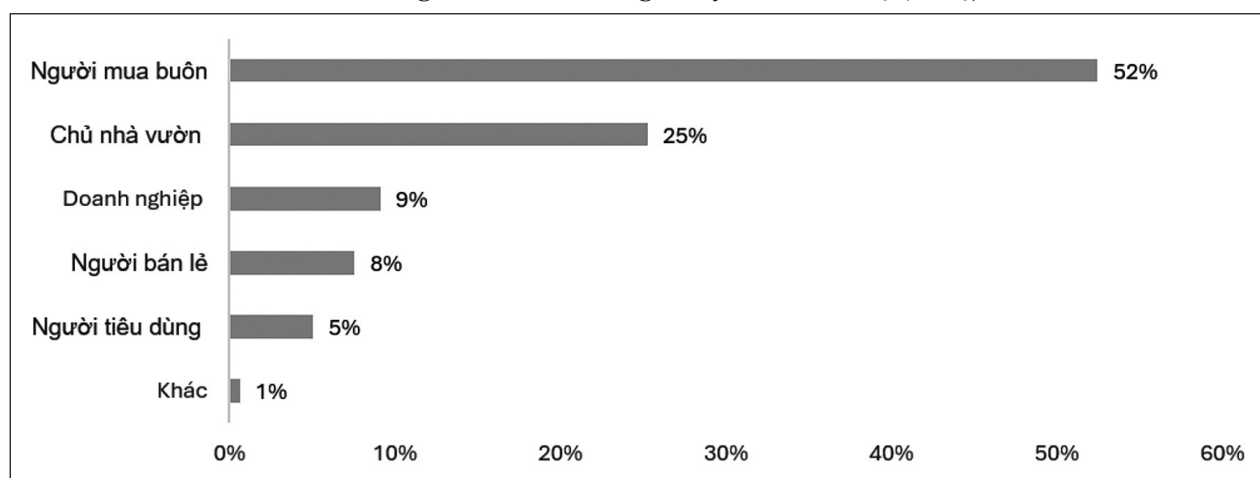
3.1.2. Về liên kết

Về liên kết dọc: theo số liệu điều tra, có dưới 10% hộ sản xuất có liên kết với người cung cấp phân bón, chủ yếu do quy mô nhỏ và đại lý cung cấp phân bón khá nhiều trong xã. Tuy nhiên đa số các hộ (khoảng gần 70% số hộ) có thỏa thuận với người mua (người mua buôn, HTX, và trong một số trường hợp là doanh nghiệp) - Bảng 2. Đây là sự khác biệt khá rõ so với các vùng vải thiều khác như ở Bắc Ninh (Dinh et al., 2021). Một trong những lý do chủ yếu là những người mua buôn (bao gồm cả các chủ vườn lớn) và HTX có khả năng tiêu thụ khối lượng sản phẩm lớn với giá cao mà nếu hộ nông dân tự bán sẽ có giá thấp hơn.

Về liên kết ngang: Theo phỏng vấn các giám đốc, hiện trên địa bàn xã có một số HTX vải trứng đang hoạt động (Quyết Tiến, Minh Tâm, Ba Đông, Đoàn Đào). Các HTX tập hợp thành viên, có thể mua đầu vào cho thành viên để được giá thấp (phân bón và thuốc BVTV), nhưng chủ yếu là để tiêu thụ sản phẩm. Theo số liệu điều tra, gần 40% số hộ tham gia vào các HTX và nhận được các lợi ích về cùng mua đầu vào và bán sản phẩm đầu ra với giá tốt, và được tập huấn, trao đổi kinh nghiệm giữa các hộ và với cán bộ khuyến nông, bảo vệ thương hiệu vải trứng Hưng Yên.

Tiêu thụ sản phẩm: Người mua vải trứng của các hộ đa dạng từ người mua buôn, tới bán lẻ, người tiêu dùng. Tuy nhiên người mua buôn vẫn chủ yếu, có thể mua trực tiếp qua hộ hoặc HTX. Bên cạnh đó, các chủ nhà vườn (người địa phương) cũng có những mối quan hệ chặt chẽ với các tác nhân bán lẻ, tiêu dùng khác, thường có những thỏa thuận với nông dân để mua vải trứng vào thời điểm thu hoạch. Khoảng 9% số hộ nông dân bán vải trứng cho một số công ty - các hộ này thường có quy mô lớn hơn, có mối quan hệ lâu dài với doanh nghiệp, có uy tín trong cam kết sản lượng, giá cả, chất lượng với doanh nghiệp (Hình 1). Những năm gần đây, với sản lượng tăng thì vải trứng cũng đã được thương lái mua và bán đi các thị trường như TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng (phỏng vấn Giám đốc HTX Quyết Tiến).

Hình 1. Người mua vải trứng chủ yếu của các hộ (% hộ)



Nguồn: Tính toán từ số liệu điều tra năm 2026

Đầu tư và hiệu quả kinh tế: Sau thời kỳ kiến thiết cơ bản, đầu tư cho vải trứng thời kỳ kinh doanh tập trung chủ yếu là bón phân, thuốc BVTV. Nông dân khá chú trọng sử dụng các đầu vào hữu cơ (phân chuồng) và sinh học (thuốc BVTV sinh học). Tổng chi phí cho 1ha vải trứng thời kỳ kinh doanh khoảng trên 20 triệu đồng, trong đó chi phí phân chuồng và phân bón chiếm tổng cộng trên 50% tổng chi phí, trong khi nhóm thuốc bảo vệ thực vật chiếm trên 20%. Đáng chú ý, chi phí thuốc trừ sâu hóa học cao gấp khoảng 2 lần chi phí thuốc trừ sâu sinh học. Đây là một điểm cần quan tâm trong định hướng phát triển sản xuất vải trứng theo hướng an toàn và bền vững, bởi việc giảm phụ thuộc vào vật tư hóa học và tăng cường các giải pháp sinh học có thể góp phần nâng cao tính thân thiện với môi trường của sản xuất vải trứng. Với năng suất điều tra các hộ đạt xấp xỉ 3 tấn/ha vào năm 2025, giá bán của năm 2025 đạt khoảng 110.000-120.000 đ/kg, thu nhập một ha vải trứng tại xã Đoàn Đào khá cao, đạt trên 300 triệu đồng/ha, cao hơn đáng kể so với sản xuất vải thiều ở các địa phương khác (Dinh et al., 2021; Trần Xuân Biên & cs, 2019).

3.2. Một số yếu tố ảnh hưởng phát triển sản xuất vải trứng tại tỉnh Hưng Yên

Chính sách của địa phương: Diện tích vải trứng tại tỉnh Hưng Yên đã tăng lên nhanh chóng trong giai đoạn 2018-2026 và vẫn đang có xu hướng mở rộng tại các địa phương khác. Nguyên nhân chủ yếu thúc đẩy sự gia tăng này là hiệu quả kinh tế cao. Với chính sách chuyển đổi cây trồng, nông dân xã Đoàn Đào đã chuyển đổi trên 500 ha lúa sang trồng cây ăn quả, trong đó có vải trứng trong giai đoạn 2020-2026 (Hồng Ngọc, 2026). Bên cạnh đó, nhờ có chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất (hỗ trợ giống, vật tư), đào tạo, tập huấn cho nông dân cũng như quảng bá sản phẩm, nhiều hộ đã chuyển đổi từ các cây trồng khác sang vải trứng và chăm sóc vườn vải tốt hơn. Bên cạnh đó, UBND tỉnh đã chấp thuận đề án “Bảo tồn và phát triển vùng trồng nhãn, vải đặc sản tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030” của tỉnh (UBND tỉnh Hưng Yên, 2019), trong đó có hỗ trợ giống vải. UBND tỉnh cũng đã có các hoạt động phát triển thương hiệu và quảng bá sản phẩm trên trang thông tin của tỉnh. Vải trứng Hưng Yên đã được công nhận OCOP 4 sao theo Quyết định 1640/QĐ-UBND ngày 04/8/2023.

Chất lượng quả vải và sự khác biệt với sản phẩm so với các địa phương khác: Vải trứng được đánh giá có thể mạnh riêng so với nhiều giống vải khác đang trồng tại các một số tỉnh, thành khác ở khu vực Bắc Bộ như: Chín sớm hơn so với đại trà từ 5-10 ngày, kích thước quả lớn (18-20 quả/kg), quả khi chín có cùi dày, ráo vỏ, vị ngọt đậm và hương vị đặc trưng (UBND tỉnh Hưng Yên, 2019). Điều này, kết hợp với hoạt động hỗ trợ marketing của UBND Tỉnh, HTX, các chủ vườn, người mua buôn đã xây dựng thương hiệu cho vải trứng. Khách hàng tiêu thụ vải trứng đa phần là tổ chức/người có thu nhập cao, sử dụng sản phẩm như quà biếu. Với thời vụ ngắn (trong vòng 1 tháng), sản phẩm này thường được coi có giá trị và quý (PV chủ vườn và người mua buôn).

Quản lý sản xuất theo quy trình VietGAP: Vùng vải trứng đã được cấp giấy chứng nhận VietGAP và bán cho nhiều người mua yêu cầu chất lượng cao tại các thành phố lớn. Do đó, yêu cầu nghiêm ngặt về chất lượng ATTP của sản phẩm vải trứng. Các HTX có cử người thường xuyên đi thăm các vườn, đặc biệt là tháng gần thu hoạch để giám sát việc thực hiện phun thuốc và cách ly thuốc BVTV nhằm đảm bảo chất lượng an toàn cho sản phẩm.

Sự mở rộng diện tích nhanh chóng: Tuy nhiên bên cạnh các yếu tố tích cực, việc mở rộng diện tích liên tục trong những năm qua cùng với sự nhân rộng diện tích vải trứng ở các địa phương khác - mặc dù chất lượng không thể so sánh được với vải trứng tại Đoàn Đào - cũng đặt ra những thách thức trong thời gian tới khi các diện tích mới trồng đi vào thu hoạch, sự không đồng đều chất lượng sản phẩm, và sự trà trộn sản phẩm (PV lãnh đạo HTX).

Điều kiện thời tiết & dịch bệnh: yếu tố thời tiết đang có ảnh hưởng khá tiêu cực tới năng suất vải nói chung, vải trứng nói riêng. Vào một số năm (bao gồm 6 tháng đầu năm 2026), thời tiết mùa đông ở miền Bắc có ít ngày rét sâu ảnh hưởng phân hóa mầm hoa. Nhiệt độ ẩm kéo dài làm cây phát triển mạnh về lộc và lá nhưng tỷ lệ ra hoa và đậu quả thấp. Nhiều hộ cho biết năng suất vườn cây của họ giảm 90-95% so với năm 2025 (UBND phường Trần Lâm, 2026). Ngoài ra, theo chia sẻ của các hộ nông dân, sâu bệnh là yếu tố thách thức đáng kể ảnh hưởng tới năng suất và mẫu mã sản phẩm, đặc biệt là bọ xít kim, và ruồi vàng trong những năm gần đây.

3.3. Một số giải pháp và khuyến nghị nhằm phát triển bền vững sản xuất vải trứng tại tỉnh Hưng Yên

Thứ nhất, kiểm soát và định hướng phát triển diện tích vải trứng. Việc mở rộng diện tích cần được thực hiện có kiểm soát, ưu tiên những khu vực có điều kiện sinh thái phù hợp, đặc biệt về thổ nhưỡng, đồng thời đáp ứng yêu cầu về khả năng áp dụng quy trình kỹ thuật sản xuất. Bên cạnh kiểm soát diện tích, cần tăng cường quản lý và kiểm soát nguồn giống nhằm bảo đảm tính đúng giống, chất lượng và đặc tính đặc trưng của quả vải trứng. Đây là điều kiện quan trọng để duy trì chất lượng sản phẩm và bảo vệ thương hiệu vải trứng Hưng Yên trong quá trình mở rộng sản xuất.

Thứ hai, tăng cường hỗ trợ các HTX vải trứng trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. HTX là một trong những kênh quan trọng kết nối hộ sản xuất với thị trường và tổ chức tiêu thụ vải trứng. Do đó, cần có các chính sách hỗ trợ HTX nâng cao năng lực tổ chức sản xuất, quảng bá và xúc tiến thương mại, mở rộng kết nối với các doanh nghiệp và hệ thống phân phối. Đặc biệt, trong bối cảnh thương mại điện tử ngày càng có vai trò trong tiêu thụ nông sản, cần hỗ trợ các HTX nâng cao năng lực marketing, xây dựng hình ảnh và thương hiệu sản phẩm trên các nền tảng số. Việc tăng cường năng lực của HTX sẽ góp phần duy trì giá trị và uy tín của thương hiệu vải trứng Hưng Yên, đồng thời mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm.

Thứ ba, tăng cường liên kết giữa HTX và các hộ sản xuất vải trứng. Việc tiêu thụ sản phẩm theo hình thức nhỏ lẻ có thể làm giảm khả năng thương lượng về giá của hộ sản xuất, đồng thời làm gia tăng nguy cơ trà trộn sản phẩm không bảo đảm chất lượng hoặc sản phẩm từ các địa phương khác vào chuỗi cung ứng. Vì vậy, cần củng cố mối liên kết giữa HTX và hộ sản xuất thông qua việc cung ứng đầu vào, tập huấn và chuyển giao kỹ thuật, hướng dẫn và giám sát việc thực hiện quy trình sản xuất, cũng như hỗ trợ kiểm soát chất lượng sản phẩm.

4. Kết luận

Vải trứng Hưng Yên là sản phẩm đặc sản có lợi thế rõ rệt về chất lượng và giá trị kinh tế, đồng thời đã từng bước xây dựng được thương hiệu trên thị trường, với diện tích không ngừng được mở rộng trong những năm qua. Hiệu quả kinh tế với thu nhập trên 300 triệu/ha/năm là động lực thúc đẩy người dân mở rộng diện tích và chuyển đổi từ các cây trồng khác sang vải trứng. Liên kết trong sản xuất và tiêu thụ vải trứng, đặc biệt qua HTX khá phổ biến. Tuy vậy, phát triển sản xuất vải trứng đang đối mặt với một số thách thức đáng kể do tác động bất lợi của khí hậu; sự không đồng đều về chất lượng và nguy cơ trà trộn sản phẩm khi diện tích liên tục mở rộng, ảnh hưởng đến uy tín thương hiệu. Sản xuất hiện vẫn chủ yếu dựa vào các hộ quy mô nhỏ, trong khi năng lực tổ chức sản xuất, marketing và thương mại điện tử của một số HTX còn hạn chế. Một số giải pháp được đề xuất nhằm phát triển bền vững sản xuất vải trứng Hưng Yên bao gồm phát triển có kiểm soát, gắn điều kiện sinh thái, kiểm soát giống và duy trì các đặc tính chất lượng đặc trưng của sản phẩm. Đồng thời, cần tăng cường hỗ trợ HTX nâng cao năng lực tổ chức sản xuất, xúc tiến thương mại và kết nối thị trường; củng cố liên kết giữa HTX và hộ sản xuất. Sở Khoa học và Công nghệ xem xét phối hợp với các Viện nghiên cứu và chuyển giao các giải pháp kỹ thuật chăm sóc vải trứng để ứng phó với điều kiện khí hậu bất lợi ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh. (2026). Niên giám thống kê Bắc Ninh 2025. Bắc Ninh.
- Hồng Ngọc (2026). Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi ở xã Đoàn Đào. <https://baohungyen.vn/chuyen-doi-co-cau-cay-trong-vat-nuoi-o-xa-doan-dao-3191803.html>
- Hương Giang (2026). Vải trứng Hưng Yên được giá nhưng mất mùa. <https://baohungyen.vn/vai-trung-hung-yen-duoc-gia-nhung-mat-mua-3194771.html>
- Nguyễn Duy Phương, Trần Đức Toàn, Nguyễn Thị Ngọc Mai, Nguyễn Văn Trường, Lương Thị Loan và Alexey Scherbakove (2017). Vai trò của phân kali đến năng suất và chất lượng vải thiều huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Tạp chí Khoa học Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam, 5(78), 45-49. https://tapchi.vaas.vn/sites/tapchi.vaas.vn/files/tapchi/2021-08/tc10_1.pdf
- Trần Xuân Biên, Nguyễn Ngọc Hồng và Lưu Thùy Dương (2019). Nghiên cứu tiềm năng đất đai để phát triển sản phẩm chủ lực - trường hợp vải chín sớm tại thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Tạp Chí Khoa học Tài Nguyên và Môi trường, 27, 38-47. <https://tapchi.hunre.edu.vn/index.php/tapchikhtnmt/article/view/180/182>
- UBND phường Trần Lãm (2026). Vải trứng Hưng Yên được giá nhưng mất mùa. <https://tranlam.hungyen.gov.vn/vai-trung-hung-yen-duoc-gia-nhung-mat-mua-c2239.html>
- UBND tỉnh Hưng Yên (2025). Vải trứng Hưng Yên: Mùa vụ chưa bắt đầu, sản phẩm đã “cháy hàng”. <https://hdnd.hungyen.gov.vn/vai-trung-hung-yen-mua-vu-chua-bat-dau-san-pham-da-chay-hang-c23339.html>
- UBND xã Đoàn Đào (2026). Số liệu thống kê trồng trọt cây vải trứng giai đoạn 2024-2026 (số liệu tính đến tháng 6/2026).
- UBND tỉnh Hưng Yên. (2019). Quyết định số 2918/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 về việc phê duyệt Đề án Bảo tồn và phát triển vùng trồng nhãn, vải đặc sản tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030.
- Viện Nghiên cứu Rau quả (2021). Nghiên cứu, ứng dụng các biện pháp kỹ thuật nhằm khắc phục hiện tượng ra quả cách năm góp phần tăng năng suất của giống vải lai trứng tại huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên. Đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh Hưng Yên.
- Pham Thi Dinh, Mai Thi Huyen, Nong Huu Tung, Bui Anh Tu and Pham Van Hung (2021). Factors affecting Lychee supply chain linkage and business performance. Uncertain Supply Chain Management, 10(1), 43-48. <https://doi.org/10.5267/j.uscm.2021.10.011>